

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bảo đảm dự thầu không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 17.2 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam ký tên với giá trị và thời hạn hiệu lực, tên của Bên mời thầu (đơn vị thụ hưởng) theo quy định tại Mục 17.1 E-CDNT;

2. Không có tên trong hai hoặc nhiều E-HSDT với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh) đối với cùng một gói thầu.

3. Có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có). Trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể, ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm của thành viên đại diện liên danh sử dụng chứng thư số của mình để tham dự thầu, thực hiện bảo đảm dự thầu;

Trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu, thỏa thuận liên danh mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh, thỏa thuận liên danh thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu, thỏa thuận liên danh để đánh giá.

4. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong các bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Đối với nhà thầu liên danh thì năng lực, kinh nghiệm được xác định bằng tổng năng lực, kinh nghiệm của các thành viên liên danh song phải bảo đảm từng thành viên liên danh đáp ứng năng lực, kinh nghiệm đối với phần việc mà thành viên đó đảm nhận trong liên danh; nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh không đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm thì nhà thầu liên danh được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu.

Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu chính. Bản thân nhà thầu chính phải đáp ứng các tiêu chí về năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ).

Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo các tiêu chuẩn đánh giá quy định dưới đây, nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá.

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Biểu mẫu này được số hóa dưới dạng webform trên Hệ thống.

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực tài chính và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ				Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh			
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	Tối thiểu một thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng không hoàn thành .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 12
2	Năng lực tài chính						
2.1	Kết quả hoạt động tài chính	Nhà thầu kê khai số liệu tài chính theo báo cáo tài chính từ (năm 2017 đến năm 2019) để cung cấp thông tin chứng minh tình hình tài chính lành mạnh của nhà thầu. Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm gần nhất phải dương.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 13A
2.2	Doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động xây dựng	Doanh thu bình quân hàng năm tối thiểu là <div>479.000.000</div> VND, trong vòng 3 năm trở lại đây. Doanh thu xây dựng hàng năm được tính bằng tổng các khoản thanh toán cho các hợp đồng xây lắp mà nhà thầu nhận được trong năm đó.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Không áp dụng	Mẫu số 13B
2.3	Yêu cầu về nguồn lực tài	Nhà thầu phải chứng minh có các tài sản có khả năng thanh khoản cao hoặc có khả	Phải thỏa mãn yêu	Phải thỏa mãn yêu	Không áp dụng	Không áp dụng	Các Mẫu số

Các tiêu chí năng lực tài chính và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ				Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh			
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	Tối thiểu một thành viên liên danh	
	chính cho gói thầu	năng tiếp cận với tài sản có khả năng thanh khoản cao sẵn có, các khoản tín dụng hoặc các nguồn tài chính khác (không kể các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) để đáp ứng yêu về cầu nguồn lực tài chính thực hiện gói thầu với giá trị là 95.000.000 VND.	cầu này	cầu này			14, 15
3	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng xây lắp tương tự	Số lượng tối thiểu các hợp đồng tương tự theo mô tả dưới đây mà nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ (chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu phụ thực hiện) trong vòng 3 năm trở lại đây (năm 2017 đến năm 2019): Hợp đồng tương tự gồm các tài liệu sau (bản sao có chứng thực trong vòng 06 tháng hoặc file scan bản chính): - Hợp đồng. - Biên bản nghiệm thu hoàn thành. - Hóa đơn. - Giấy báo có liên quan đến thanh toán hợp	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương ứng với phần công việc đảm nhận)	Không áp dụng	Mẫu số 11A, 10B

Các tiêu chí năng lực tài chính và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		<p>đồng.</p> <p>- Khai báo thuế cho hóa đơn.</p> <p>i) số lượng hợp đồng là 3 hợp đồng, mỗi hợp đồng có giá trị tối thiểu là <div>223.000.000</div> VND (3 x 223 triệu VNĐ = 449 triệu VNĐ)</p> <p>ii) số lượng hợp đồng ít hơn hoặc nhiều hơn 3, trong đó có ít nhất 01 hợp đồng có giá trị tối thiểu là 223 triệu VNĐ và tổng giá trị tất cả các hợp đồng \geq 449 triệu VNĐ.</p> <p>Loại công trình: Công trình công nghiệp</p> <p>Cấp công trình: Cấp IV</p>				

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kỹ thuật:

a) Nhân sự chủ chốt:

Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt thực hiện theo Mẫu số 04A Chương IV. Biểu mẫu này được số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống.

STT	Vị trí công việc	Tổng số năm kinh nghiệm (tối thiểu ... năm)	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự (tối thiểu ... năm)
1	Giám sát công trình: 1 người - Là kỹ sư điện - Cung cấp biên bản nghiệm thu để chứng minh kinh nghiệm tối thiểu 2 năm và giấy xác nhận của chủ đầu tư đã tham gia tối thiểu 01 công trình cấp IV với chức danh giám sát thi công. - Hồ sơ kèm theo bằng cấp, chứng chỉ hành nghề giám sát, chứng nhận đào tạo an toàn lao động (các giấy tờ có chứng thực của cơ quan pháp luật trong vòng 6 tháng)	2	2
2	Chỉ huy trưởng công trình: 1 người - Có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng hoặc chứng chỉ hành nghề an toàn lao động hạng III - Cung cấp biên bản nghiệm thu để chứng minh kinh nghiệm tối thiểu 2 năm và giấy xác nhận của chủ đầu tư đã trực tiếp tham gia tối thiểu 1 công trình cấp III hoặc 2 công trình cấp IV với chức danh chỉ huy trưởng. - Hồ sơ kèm theo bằng cấp, chứng chỉ hành nghề, chứng nhận đào tạo an toàn lao động (các giấy tờ có chứng thực của cơ quan pháp luật trong vòng 6 tháng)	2	2
3	10 công nhân thi công: có 1 năm công tác. Tất cả đội ngũ thi công phải có bằng nghề hoặc chứng chỉ nghề về điện, có giấy chứng nhận đã qua đào tạo an toàn lao động (các giấy tờ phải có chứng thực của cơ quan pháp	1	1

STT	Vị trí công việc	Tổng số năm kinh nghiệm (tối thiểu ... năm)	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự (tối thiểu ... năm)
	<i>luật trong vòng 6 tháng tính đến thời điểm đóng thầu).</i>		

b) Thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu:

Tiêu chuẩn đánh giá về thiết bị thi công thực hiện theo Mẫu số 04B Chương IV. Biểu mẫu này được số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống.

STT	Loại thiết bị	Đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1	Xe cẩu	Tải trọng $\geq 2,5$ tấn (photo giấy tờ chứng minh: giấy đăng ký xe, giấy kiểm định xe). Trường hợp thuê máy móc, thiết bị thi công thì cần có giấy tờ xác nhận (bản cam kết hai bên,...) (các giấy tờ có chứng thực của cơ quan pháp luật trong vòng 6 tháng)	02
2	Kích tăng dây	Tải trọng $\geq 1,5$ tấn (photo hồ sơ chứng minh sở hữu hoặc thuê)	02
3	Giá ra dây	photo hồ sơ chứng minh sở hữu hoặc thuê	01
4	Kèm ép thủy lực	Tải trọng $\geq 2,0$ tấn (photo hồ sơ chứng minh sở hữu hoặc thuê)	02
5	Puly	Tải trọng $\geq 0,5$ tấn (photo hồ sơ chứng minh sở hữu hoặc thuê)	05

Ghi chú: Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con theo Mẫu số 16 Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm, năng lực của nhà thầu căn cứ vào giá trị, khối lượng do công ty mẹ, công ty con đảm nhiệm trong gói thầu.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật:

Áp dụng tiêu chí “đạt”, “không đạt” đối với TCDG về kỹ thuật.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật khi có tất cả nội dung yêu cầu cơ bản đều được đánh giá là “đạt”, các nội dung yêu cầu không cơ bản được đánh giá là “đạt” hoặc “chấp nhận được”.

Stt	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1	Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công		
1.1	- Giải pháp thi công đối với phần móng trụ, móng neo,..	Có giải pháp thuyết minh rõ ràng	Đạt
		Không có giải pháp	Không đạt

Stt	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1.2	- Giải pháp thi công phần trụ, lắp đặt neo.	Có thuyết minh đầy đủ các biện pháp thi công	Đạt
		Không có thuyết minh đầy đủ các biện pháp thi công	Không đạt
1.3	- Giải pháp thi công lắp đặt phụ kiện, rải căng dây, căng dây.	Có giải pháp thuyết minh	Đạt
		Không có thuyết minh giải pháp	Không đạt
1.4	- Giải pháp lắp đặt thiết bị.	Có giải pháp thuyết minh	Đạt
		Không có giải pháp	Không đạt
1.5	- Giải pháp đấu nối	Có giải pháp thuyết minh	Đạt
		Không có giải pháp	Không đạt
1.6	- Nêu giải pháp, thuyết minh thời gian cắt điện để thực hiện toàn bộ gói thầu ≤ 02 lần cắt điện	Có giải pháp thuyết minh số lần cắt điện thực hiện gói thầu ≤ 02 lần cắt điện.	Đạt
		Không có giải pháp hoặc có giải pháp nhưng số lần cắt điện > 02 lần cắt điện.	Không đạt
1.7	- Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng người	Có sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng người, đặc biệt là các vị trí Chỉ huy trưởng công trường và cán bộ kỹ thuật	Đạt
		Không có sơ đồ, hoặc sơ đồ không thể hiện rõ trách nhiệm của từng cán bộ chủ chốt	Không đạt
	Kết luận	Cả 7 tiêu chuẩn trên được xác định là đạt	Đạt
		Có 1 tiêu chuẩn chi tiết trở lên được xác định là không đạt.	Không đạt
2	Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động.		
2.1	- Giải pháp chống ô nhiễm môi trường trong quá trình thi công, vận chuyển vật tư và vật liệu, chống ngập úng các khu lân cận, chống ồn.	Có giải pháp khả thi	Đạt
		Không có giải pháp khả thi	Không đạt
2.2	- An toàn lao động	Có biện pháp bảo đảm an toàn lao động rõ ràng	Đạt

Stt	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Không có biện pháp bảo đảm an toàn lao động	Không đạt
2.3	- Giải pháp phòng cháy nổ, chữa cháy	Có giải pháp khả thi	Đạt
		Không có giải pháp khả thi	Không đạt
	Kết luận	Cả 3 tiêu chuẩn trên được xác định là đạt	Đạt
		Có 1 tiêu chuẩn chi tiết trở lên được xác định là không đạt.	Không đạt
3	Biện pháp bảo đảm chất lượng		
3.1	Có thuyết minh hợp lý về biện pháp bảo đảm chất lượng, gồm những nội dung như sơ đồ bố trí tổ chức giám sát, kiểm tra các khâu thi công, thực hiện các thí nghiệm phục vụ thi công, ghi nhật ký thi công, ...		Đạt
	Không có thuyết minh hoặc thuyết minh không đầy đủ, không đạt yêu cầu đối với các nội dung nêu trên		Không đạt
3.2	Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.		Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công.		Không đạt
	Kết luận	Cả 2 tiêu chuẩn trên được xác định là đạt	Đạt
		Có 1 tiêu chuẩn chi tiết trở lên được xác định là không đạt.	Không đạt
4	Tiến độ thi công		
4.1	Ngắn hơn hoặc bằng số ngày quy định (≤ 60 ngày)		Đạt
	Dài hơn số ngày quy định		Không đạt
4.2	Có Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT.		Đạt
	Không có Biểu tiến độ thi công hoặc có Biểu tiến độ thi công nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật.		Không đạt
	Kết luận	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
		Có 1 tiêu chuẩn chi tiết trở lên được xác định là không đạt.	Không đạt
5	Mức độ đáp ứng về vật tư, thiết bị		

Stt	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng
	Có thuyết minh đầy đủ về đặc tính, thông số kỹ thuật của tất cả vật tư B cấp; đủ >60% các biên bản thử nghiệm điển hình yêu cầu và đạt yêu cầu của thông số kỹ thuật trong hồ sơ mời thầu.	Đạt
	Không có thuyết minh về đặc tính, thông số kỹ thuật của tất cả vật tư B cấp, biên bản thử nghiệm điển hình; hoặc có nhưng chưa đầy đủ;	Không đạt
	Kết luận	Tiêu chuẩn trên được xác định là đạt, hoặc chấp nhận được.
		Tiêu chuẩn trên được xác định là không đạt
6	Bảo hành	
	Thời gian bảo hành 12 tháng.	Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 12 tháng.
		Có đề xuất thời gian bảo hành nhỏ hơn 12 tháng.
	Kết luận	Tiêu chuẩn trên được xác định là đạt
		Tiêu chuẩn trên được xác định là không đạt
7		Uy tín của nhà thầu
	Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó trong vòng 3 năm (2016; 2017; 2018) trở lại đây	Không có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở do lỗi của nhà thầu.
		Có một hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở do lỗi của nhà thầu nhưng lại có một hợp đồng tương tự khác được giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng.
		Có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở do lỗi của nhà thầu và không có hợp đồng tương tự nào được giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng.
	Kết luận	Tiêu chuẩn trên được xác định là đạt hoặc chấp nhận được
		Tiêu chuẩn trên được xác định là không đạt

HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về giá:

Áp dụng phương pháp giá thấp nhất đối với tiêu chuẩn đánh giá về giá.

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 26 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau khi trừ đi giảm giá (nếu có) cộng ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.